

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM - CTCP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

Tháng 8 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Khải Hoàn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vỹ	Thành viên
Ông Phan Kim Khoa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2025)
Ông Ngô Quang Trung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên
Bà Trần Thị Nguyệt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Giang	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Quy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Công Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Diên	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Bình	Thành viên

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hoàng Giang - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trong kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.


BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Hoàng Giang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Số: 296 /VACO/BCSX.NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Máy động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 43 bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (gọi chung là "Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty đang ghi nhận các khoản công nợ, hàng tồn kho đã phát sinh lâu ngày chưa đánh giá khả năng thu hồi làm cơ sở trích lập đầy đủ các khoản dự phòng tại thời điểm lập báo cáo tài chính, cụ thể:

- Khoản ứng trước cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto (CHANGAN) với số tiền 135 tỷ VND đang trong quá trình khởi kiện và chưa có phán quyết cuối cùng; Các khoản phải thu tồn đọng, phát sinh lâu ngày (bao gồm: các khoản phải thu khác và tài sản thiếu chờ xử lý) với số tiền khoảng 29,8 tỷ VND (tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 khoảng 30,1 tỷ VND).
- Như trình bày tại Thuyết minh số 11, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với một số mã hàng tồn kho chậm luân chuyển và có dấu hiệu suy giảm giá trị, nhưng cơ sở áp dụng để xác định giá trị thuần có thể thực hiện được chưa phù hợp với các quy định hiện hành; đồng thời, Tổng Công ty có một số mã hàng tồn kho chậm luân chuyển và có dấu hiệu suy giảm giá trị nhưng chưa được trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết và thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi các khoản phải thu, giá trị thuần có thể thu hồi của hàng tồn kho đã phát sinh và tồn đọng lâu ngày nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu, dự phòng giảm giá hàng tồn kho và các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty.

Tổng Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng tổn thất đầu tư tài chính cho một số khoản đầu tư tại các công ty con (chi tiết tại Thuyết minh số 5 của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết và thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty. Do đó, chúng tôi không thể xác định điều chỉnh cần thiết đối với dự phòng tổn thất đầu tư tài chính và các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty.

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, giá trị Chi phí mua bản quyền công nghệ liên quan đến Dự án nghiên cứu, chế tạo máy kéo 4 bánh hạng trung đang được Tổng Công ty ghi nhận tại chỉ tiêu Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang với số tiền 53,5 tỷ VND (Thuyết minh số 15 của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ), trong khi đó giá trị chi phí này đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết luận các cá nhân liên quan có trách nhiệm bồi hoàn toàn bộ cho Tổng Công ty. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thông tin, tài liệu cần thiết và thích hợp để đánh giá được liệu có cần điều chỉnh khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang và các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty hay không.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty chưa ghi nhận đầy đủ giá trị phát sinh liên quan đến tài sản thừa/thiếu chờ xử lý phát sinh từ kiểm kê tại Nhà máy ô tô VEAM - Chi nhánh của Tổng Công ty. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thông tin, tài liệu cần thiết và thích hợp để có thể đánh giá được liệu có cần điều chỉnh khoản mục này và các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 8, tại đó Tổng Công ty trình bày thông tin liên quan đến việc ghi nhận khoản lãi hỗ trợ vốn của Tổng Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt chính thức quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam tại thời điểm Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Tổng Công ty chưa ghi nhận công nợ phải thu các cá nhân liên quan phải thi hành án và khoản lãi chậm trả tương ứng theo Bản án hình sự phúc thẩm số 855/2023/HS-PT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 234/2023/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội do chưa chắc chắn về khả năng thu hồi.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các vấn đề khác

Thông tin so sánh cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là thông tin trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, báo cáo kiểm toán số 257/2025/UHY-BCKT đề ngày 24 tháng 3 năm 2025; Thông tin so sánh cho các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, báo cáo soát xét số 900/2024/UHY-BCSX đề ngày 28 tháng 8 năm 2024. Các báo cáo phát hành với ý kiến kiểm toán là Ý kiến kiểm toán ngoại trừ, và kết luận soát xét là Kết luận soát xét ngoại trừ, do:

Tổng Công ty chưa trích lập đủ dự phòng giảm giá hàng tồn kho, ảnh hưởng của các ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại công ty con đến dự phòng đầu tư tài chính dài hạn thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, và tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, như mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ” trên đây.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được phát hành đồng thời cùng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025; theo đó, người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 để thu thập các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ của Tổng Công ty.



Chữ Mạnh Hoan

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		22.269.178.577.031	16.138.914.853.601
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	149.419.892.951	146.236.801.147
1. Tiền	111		53.256.164.183	69.199.980.184
2. Các khoản tương đương tiền	112		96.163.728.768	77.036.820.963
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	14.897.237.123.288	11.996.830.273.973
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		14.897.237.123.288	11.996.830.273.973
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.497.642.232.951	3.250.520.533.357
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	323.806.632.778	314.341.997.099
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	182.504.471.261	180.236.147.109
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.951.177.259.930	3.718.608.180.933
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(968.622.967.983)	(971.508.767.836)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	9	8.776.836.965	8.842.976.052
IV. Hàng tồn kho	140	11	642.793.456.149	664.182.012.127
1. Hàng tồn kho	141		1.183.667.141.169	1.176.052.212.659
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(540.873.685.020)	(511.870.200.532)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		82.085.871.692	81.145.232.997
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.112.603.820	1.506.172.023
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		80.624.086.403	79.379.913.179
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	349.181.469	259.147.795
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.596.400.761.131	3.616.127.092.636
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		28.000.000	28.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	28.000.000	28.000.000
II. Tài sản cố định	220		366.713.378.027	388.674.138.991
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	318.327.439.268	340.197.666.304
- Nguyên giá	222		1.385.330.402.197	1.384.996.142.937
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.067.002.962.929)	(1.044.798.476.633)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	48.385.938.759	48.476.472.687
- Nguyên giá	228		52.570.286.266	52.570.286.266
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.184.347.507)	(4.093.813.579)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	56.436.605.990	55.644.448.639
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		56.436.605.990	55.644.448.639
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	3.147.528.847.564	3.142.752.943.576
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.656.119.550.877	2.656.119.550.877
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		707.098.071.180	707.098.071.180
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.001.060.828	11.001.060.828
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(226.689.835.321)	(231.465.739.309)
V. Tài sản dài hạn khác	260		25.693.929.550	29.027.561.430
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	25.693.929.550	29.027.561.430
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		25.865.579.338.162	19.755.041.946.237

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		160.771.819.525	213.566.462.493
I. Nợ ngắn hạn	310		160.771.819.525	213.566.462.493
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	11.691.222.523	12.926.645.070
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	4.284.918.415	4.054.283.015
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	37.499.098.907	30.682.026.649
4. Phải trả người lao động	314		11.504.970.252	26.511.075.526
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	12.163.614.014	11.485.815.085
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		289.517.153	101.720.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	39.958.295.110	38.853.105.668
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		91.325.705	91.325.705
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		43.288.857.446	88.860.465.775
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		25.704.807.518.637	19.541.475.483.744
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	25.704.845.473.694	19.541.513.438.801
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.416.845.473.694	6.253.513.438.801
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.253.513.438.801	111.222.123
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.163.332.034.893	6.253.402.216.678
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(37.955.057)	(37.955.057)
1. Nguồn kinh phí	431		(37.955.057)	(37.955.057)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		25.865.579.338.162	19.755.041.946.237



Nguyễn Hoàng Giang
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Vũ Phong Hải
 Phụ trách kế toán

Bùi Tuấn Anh
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	188.983.196.299	171.083.426.765
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		38.400.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		188.944.796.299	171.083.426.765
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	25	201.193.911.273	156.241.847.824
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(12.249.114.974)	14.841.578.941
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	6.319.598.687.260	5.546.698.384.485
7. Chi phí tài chính	22	27	(4.644.822.953)	(1.057.935.422)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	28	9.948.853.978	10.005.424.796
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	69.978.545.207	56.697.728.225
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		6.232.066.996.054	5.495.894.745.827
11. Thu nhập khác	31	29	614.468.348	2.313.389.138
12. Chi phí khác	32	30	917.859.281	1.233.624.523
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		(303.390.933)	1.079.764.615
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.231.763.605.121	5.496.974.510.442
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	68.431.570.228	74.262.271.781
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		6.163.332.034.893	5.422.712.238.661



Nguyễn Hoàng Giang
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Vũ Phong Hải
 Phụ trách kế toán

Bùi Tuấn Anh
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	6.231.763.605.121	5.496.974.510.442
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	22.295.020.224	24.255.270.825
- Các khoản dự phòng	03	21.341.780.647	(16.441.366.255)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	13.253.773	(3.804.774)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.318.806.823.963)	(5.545.744.765.255)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(43.393.164.198)	(40.960.155.017)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(12.969.959.274)	(8.769.567.294)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(7.614.928.510)	34.655.635.292
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(13.583.040.650)	(40.833.847.876)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	3.727.200.083	4.693.087.087
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(62.774.573.849)	(152.442.919.927)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(43.942.212.930)	(20.287.235.370)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(180.550.679.328)	(223.945.003.105)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.108.660.536)	(2.875.875.735)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(14.464.713.933.871)	(13.736.514.129.178)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.566.289.274.556	10.228.646.183.973
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.083.570.884.941	3.803.282.352.981
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	184.037.565.090	292.538.532.041
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(331.382.848)	(358.025.548)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(331.382.848)	(358.025.548)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	3.155.502.914	68.235.503.388
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	146.236.801.147	84.989.168.332
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	27.588.890	(6.330.837)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	149.419.892.951	153.218.340.883



Nguyễn Hoàng Giang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Vũ Phong Hải
Phụ trách kế toán

Bùi Tuấn Anh
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103866, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp và đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 01 tháng 7 năm 2024. Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên thuộc Bộ Công thương trước khi chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 4874/QĐ-BCT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công thương về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP; Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam; và Quyết định số 5029/QĐ-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công thương về việc Điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Vốn điều lệ của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP là 13.288.000.000.000 VND, được chia thành 1.328.800.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND. Từ ngày 02 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã chứng khoán là VEA.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 355 người (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 369 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Sản xuất xe có động cơ, mô tô, xe máy; Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác;
- Buôn bán máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp, ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe động cơ khác; Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy, bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Sản xuất lò nung, lò luyện, lò nung, các thiết bị hạ, bốc xếp;
- Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén, máy thông dụng khác;
- Sản xuất máy công cụ, máy tạo hình kim loại và máy luyện kim;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc sắt, đúc thép, đúc kim loại màu;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng chứa, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm); Rèn, dập, ép và cán kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác); Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, thiết bị điện, thiết bị điện tử và quang học;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn và hoạt động khoa học khác chưa được phân vào đâu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Xây dựng nhà các loại, lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí và hệ thống xây dựng khác; Khai thác quặng sắt, kim loại khác không chứa sắt, quặng kim loại quý hiếm;
- Buôn bán kim loại, quặng kim loại; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường...);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn vải; hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Trong kỳ, hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh xe có động cơ, máy động lực và máy nông nghiệp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty bao gồm:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ	Chế độ hạch toán
1	Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Số 90 - 92 Trần Bình Trọng, phường Chợ Quán, thành phố Hồ Chí Minh	Hạch toán phụ thuộc
2	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP - Chi nhánh Nghệ An	Số 284, đường Bình Minh phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An	Hạch toán phụ thuộc
3	Nhà máy ô tô VEAM - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Phường Quang Trung, tỉnh Thanh Hoá	Hạch toán độc lập
4	Chi nhánh Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Nhà máy Đức	Lô B15, khu B, khu công nghiệp Hiệp Phước, đường Nguyễn Văn Tạo, xã Hiệp Phước, thành phố Hồ Chí Minh	Hạch toán độc lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

STT	Tên Công ty con/Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Cơ khí chính xác số 1	Hà Nội	51,00	51,00	Sản xuất kinh doanh sản phẩm cơ khí, bơm thủy lực. Bơm nước, dụng cụ, khuôn mẫu gá lắp
2	Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên	Thái Nguyên	51,00	51,00	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho các động cơ
3	Công ty Cổ phần Cơ khí Cỗ Loa	Hà Nội	53,66	53,66	Vận tải hàng hóa đường bộ
4	Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	Hà Nội	51,00	51,00	Vận chuyển khách, vận tải hàng hóa đường bộ
5	Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ (i)	Hà Nội	51,00	51,99	Bán buôn máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khác
6	Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	Thái Nguyên	55,00	55,00	Sản xuất, mua bán vật tư, phụ tùng cho xe có động cơ
7	Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Hà Nội	100,00	100,00	Sản xuất máy kéo, máy nông nghiệp
8	Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Bắc Ninh và Hà Nội	100,00	100,00	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
9	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Thái Nguyên	100,00	100,00	Sản xuất phụ tùng phục vụ các ngành nông nghiệp, ngư nghiệp
10	Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	Đồng Nai	100,00	100,00	Sản xuất động cơ và máy nông nghiệp
11	Viện Công nghệ	Hà Nội	100,00	100,00	Nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ các lĩnh vực vật liệu, đúc, nhiệt luyện, cơ khí, tự động hóa.
12	Veam Korea Corporation	Hàn Quốc	89,00	89,00	Xuất khẩu các sản phẩm của Hàn Quốc sang thị trường Việt Nam
13	Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh (ii)	Nghệ An	49,00	59,93	Sản xuất các cấu kiện kim loại
Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Nakycó	Thành phố Hồ Chí Minh	49,00	49,00	Sản xuất, mua bán các loại máy móc, thiết bị, phụ tùng
2	Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	An Giang	47,41	47,41	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
3	Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ	Hà Nội	29,01	29,01	Xây dựng nhà ở và văn phòng làm việc; cung cấp dịch vụ công cộng cho khu đô thị, khu nhà ở và văn phòng
4	Công ty Honda Việt Nam	Vĩnh Phúc	30,00	30,00	Sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu xe máy, ô tô để bán và xuất khẩu
5	Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	Vĩnh Phúc	20,00	20,00	Lắp đặt và sản xuất các loại ô tô và phụ tùng ô tô và cung cấp dịch vụ bảo hành, sửa chữa ô tô tại Việt Nam
6	Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng (iii)	Hải Phòng	19,46	21,23	Vận tải hành khách, bán buôn kim loại và quặng kim loại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ là Công ty con của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 51,00% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết) là 0,99%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ là 51,99%.
- (ii) Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là Công ty con của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 49,00% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 55,00% quyền biểu quyết) là 10,93%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là 59,93%.
- (iii) Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là Công ty liên kết của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 19,46% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 51,99% quyền biểu quyết) là 1,77%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là 21,23%.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét.

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kỳ này được trình bày cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Chế độ Kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

Người sử dụng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 để thu thập các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối năm. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng giá trị hợp lý theo chính sách kế toán như sau:

- (a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- (b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Tổng Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận được chia liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư theo nguyên tắc ưu tiên phân phối lợi nhuận còn lại của năm hiện tại trước khi phân phối lợi nhuận của các năm trước đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư tính từ thời điểm ngày 23 tháng 01 năm 2017 (thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến thời điểm lập báo cáo tài chính, với mức trích lập bằng số lỗ của bên nhận đầu tư phát sinh trong giai đoạn này nhân với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản hỗ trợ vốn

Các khoản hỗ trợ vốn là các khoản hỗ trợ cho các công ty con và công ty liên doanh liên kết theo các hợp đồng có lãi suất từ 0%/năm đến 5%/năm, được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản hỗ trợ vốn và phải thu lãi hỗ trợ vốn quá hạn của Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty được trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Phương pháp kế toán để hạch toán hàng tồn kho mà Tổng Công ty sử dụng là phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 08

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, trong đó:

Địa điểm	Thời gian sử dụng
Quyền sử dụng đất tại lô D, khu D1, phường Phú Thượng, thành phố Hà Nội	50 năm
Quyền sử dụng đất tại số 37 Nguyễn Thái Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Quyền sử dụng đất tại Khách sạn Veam Cửa Lò	Lâu dài

Các tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác bao gồm phần mềm máy tính và bản quyền Website của Tổng Công ty được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và thuê văn phòng, giá trị thương hiệu, chi phí đề tài nghiên cứu khoa học và các khoản chi phí trả trước khác.

Giá trị thương hiệu được ghi nhận trên biên bản xác định doanh nghiệp của Tổng Công ty tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 10 năm kể từ thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Tiền thuê đất và thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí đề tài nghiên cứu khoa học là chi phí cho hoạt động nghiên cứu được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm kể từ ngày nghiệm thu chi phí đề tài đó.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí bảo trì tòa nhà và các chi phí nhỏ khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương tháng thứ mười ba, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 là:

- Bộ Công thương: Cổ đông chiếm 88,47% vốn điều lệ của Tổng Công ty;
- Các Công ty con, liên kết: Như trình bày tại mục 1 - Thông tin khái quát - Cấu trúc doanh nghiệp;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát: Lãnh đạo chủ chốt;
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh - Công ty con của Viện Công nghệ - công ty con của Tổng Công ty.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	241.510.293	388.110.084
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.014.653.890	68.811.870.100
Các khoản tương đương tiền (i)	96.163.728.768	77.036.820.963
Cộng	149.419.892.951	146.236.801.147

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 3,5%/năm đến 4,5%/năm.

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Lô D, khu D1, phường Phú Thượng,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)				
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	710.000.000.000	710.000.000.000	1.541.000.000.000	1.541.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	5.859.000.000.000	5.859.000.000.000	1.568.000.000.000	1.568.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7.704.000.000.000	7.704.000.000.000	6.293.000.000.000	6.293.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	478.000.000.000	478.000.000.000	57.000.000.000	57.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh	67.600.000.000	67.600.000.000	81.930.000.000	81.930.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	51.030.000.000	51.030.000.000	49.800.000.000	49.800.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	-	2.380.000.000.000	2.380.000.000.000
Các Ngân hàng TMCP khác	27.607.123.288	27.607.123.288	26.100.273.973	26.100.273.973
Cộng	14.897.237.123.288	14.897.237.123.288	11.996.830.273.973	11.996.830.273.973

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Lô D, khu D1, phường Phú Thượng,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con						
Công ty Cổ phần Cơ khí chính xác số 1	50.015.670.456	-	(ii)	50.015.670.456	-	(ii)
Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên	22.810.192.474	-	6.981.900.000	22.810.192.474	-	6.981.900.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	295.794.759	-	(ii)	295.794.759	-	(ii)
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	-	-	(ii)	-	-	(ii)
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ (iii)	127.576.996.194	-	(ii)	127.576.996.194	-	(ii)
Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	60.825.843.242	-	199.368.652.800	60.825.843.242	-	186.908.112.000
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	95.960.790.920	95.960.790.920	(ii)	95.960.790.920	95.960.790.920	(ii)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo (iv)	284.301.038.861	94.152.819.091	(ii)	284.301.038.861	94.597.242.388	(ii)
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	1.489.915.335.079	-	(ii)	1.489.915.335.079	-	(ii)
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	347.000.000.000	10.683.452.836	(ii)	347.000.000.000	15.159.459.764	(ii)
Viện Công nghệ	160.145.083.264	14.582.265.035	(ii)	160.145.083.264	14.437.738.798	(ii)
Veam Korea Corporation (v)	16.512.996.840	-	(ii)	16.512.996.840	-	(ii)
Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh	759.808.788	759.808.788	(ii)	759.808.788	759.808.788	(ii)
Cộng	2.656.119.550.877	216.139.136.670		2.656.119.550.877	220.915.040.658	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty Cổ phần Nakycó	10.550.698.651	10.550.698.651	(ii)	10.550.698.651	10.550.698.651	(ii)
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	23.823.075.776	-	(ii)	23.823.075.776	-	(ii)
Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ (vi)	9.467.051.066	-	(ii)	9.467.051.066	-	(ii)
Công ty Honda Việt Nam	359.311.428.087	-	(ii)	359.311.428.087	-	(ii)
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	287.776.054.812	-	(ii)	287.776.054.812	-	(ii)
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	16.169.762.788	-	(ii)	16.169.762.788	-	(ii)
Cộng	707.098.071.180	10.550.698.651		707.098.071.180	10.550.698.651	
Đầu tư vào đơn vị khác						
Công ty Cổ phần Kumba	11.001.060.828	-	(ii)	11.001.060.828	-	(ii)
Công ty TNHH Mekong Auto	-	-	(ii)	-	-	(ii)
Cộng	11.001.060.828	-		11.001.060.828	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con, công ty liên doanh liên kết trong sáu tháng đầu năm 2025 như sau:

	Kết quả hoạt động kinh doanh	
	Kỳ này	Kỳ trước
Tình hình hoạt động của công ty con		
Công ty Cổ phần Cơ khí chính xác số 1	Lãi	Lãi
Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên	Lãi	Lãi
Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Lãi	Lãi
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	Lãi	Lãi
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ	Lãi	Lãi
Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	Lãi	Lãi
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Lãi	Lỗ
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Lãi	Lỗ
Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Lãi	Lãi
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	Lãi	Lãi
Viện Công nghệ	Lỗ	Lỗ
Veam Korea Corporation	Lỗ	Lỗ
Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh	Lỗ	Lỗ
Tình hình hoạt động của công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Nakycos	Lỗ	Lỗ
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	Lãi	Lãi
Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ	Lãi	Lãi
Công ty Honda Việt Nam	Lãi	Lãi
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	Lãi	Lãi
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	Lỗ	Lỗ
Tình hình hoạt động của các công ty đầu tư khác		
Công ty Cổ phần Kumba (vii)		
Công ty TNHH Mekong Auto (vii)		

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng từ ngày kết thúc năm tài chính và hưởng lãi suất từ 3,5%/năm đến 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 4,2%/năm đến 8,8%/năm).
- (ii) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào các công ty khác tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Giá giao dịch trên thị trường Upcom của cổ phiếu được xác định như sau: Đối với cổ phiếu của Tổng Công ty trên thị trường Upcom, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)Ghi chú (Tiếp theo):

- (iii) Tổng Công ty chưa trích lập tổn thất đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty con - Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ ("Matexim") do Công ty con không điều chỉnh Báo cáo tài chính theo các ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán số 06/2025/BCKT-CPA HANOI ngày 10 tháng 02 năm 2025 về Báo cáo tài chính năm 2024 của Matexim, các nội dung ngoại trừ bao gồm các khoản chi phí lãi vay, khấu hao, tiền thuê đất của Nhà máy sắt xếp ngừng hoạt động từ năm 2015 và Chi nhánh Bắc Kạn đang được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với giá trị là 481.868.382.941 VND, tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 các khoản chi phí này có giá trị là 501.373.416.100 VND.
- (iv) Tổng Công ty chưa trích lập bổ sung tổn thất đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty con - Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo ("VEAMTHD") theo các ý kiến ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán số 98/2025/UHY-BCTC ngày 20 tháng 02 năm 2025 về Báo cáo tài chính năm 2024 của VEAMTHD, các nội dung ngoại trừ bao gồm các khoản công nợ phải thu quá hạn chưa được trích lập dự phòng phải thu khó đòi với giá trị khoảng 40,1 tỷ VND, hàng tồn kho tồn đọng với giá trị 10 tỷ VND (chủ yếu là các hàng tồn kho phát sinh từ trước thời điểm Công ty mẹ thực hiện Cổ phần hóa), chưa được xác định giá trị thuần có thể thực hiện được để xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, giá trị này tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có giá trị lần lượt khoảng 43,2 tỷ VND và 16,1 tỷ VND.
- (v) Theo hướng dẫn tại khoản 2, Điều 2 và khoản 4, Điều 3 Thông tư số 48/2019/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 08 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn trích lập các khoản dự phòng, các doanh nghiệp không trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản đầu tư ra nước ngoài; do đó, Tổng Công ty không trích lập tổn thất đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty con - Veam Korea Corporation.
- (vi) Tổng Công ty góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ bằng quyền sử dụng đất tại Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103022083. Tuy nhiên, Tổng Công ty đã thực hiện mua lại 5 tầng văn phòng và đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuyển giao quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ.
- (vii) Tại ngày phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Kumba và Công ty TNHH Mekong Auto cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào đơn vị khác của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	35.100.588.829	12.499.544.263	29.260.523.510	12.501.544.263
Công ty STD, Inc (Hoa kỳ)	6.447.874.379	6.447.874.379	6.447.874.379	6.447.874.379
Công ty TNHH Hyosung Vina	4.361.192.015	-	3.052.624.222	-
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Kỹ thuật Thông tin	2.856.982.672	2.856.982.672	2.856.982.672	2.856.982.672
Các đối tượng khác	21.434.539.763	3.194.687.212	16.903.042.237	3.196.687.212
b) Phải thu khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan	288.706.043.949	276.321.193.718	285.081.473.589	276.499.061.954
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	64.099.339.995	64.099.339.995	64.099.339.995	64.099.339.995
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ (Chi nhánh tại Đà Nẵng)	13.205.936.501	13.205.936.501	13.205.936.501	13.205.936.501
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	69.357.551.476	69.357.551.476	69.395.639.712	69.395.639.712
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	22.446.087.086	22.446.087.086	22.476.087.086	22.476.087.086
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	15.317.942.020	2.933.091.789	11.570.283.424	2.987.871.789
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto	2.172.222.000	2.172.222.000	2.172.222.000	2.172.222.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh (Viện Công nghệ)	725.920.500	725.920.500	775.920.500	775.920.500
Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh	5.967.364.958	5.967.364.958	5.967.364.958	5.967.364.958
Công ty Cổ phần Nakycos	2.180.499.976	2.180.499.976	2.185.499.976	2.185.499.976
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh	93.233.179.437	93.233.179.437	93.233.179.437	93.233.179.437
Cộng	323.806.632.778	288.820.737.981	314.341.997.099	289.000.606.217

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.324.742.992	1.700.000.000	4.056.418.840	1.700.000.000
Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture (i)	1.700.000.000	1.700.000.000	1.700.000.000	1.700.000.000
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế xây dựng và Thương mại Nam Anh	1.675.712.100	-	-	-
Các đối tượng khác	2.949.030.892	-	2.356.418.840	-
b) Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan	176.179.728.269	41.153.879.039	176.179.728.269	41.153.879.039
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto (ii)	169.609.728.269	34.583.879.039	169.609.728.269	34.583.879.039
Chi nhánh Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng tại Quảng Ninh	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000
Công ty Cổ phần Nakycos	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
Cộng	182.504.471.261	42.853.879.039	180.236.147.109	42.853.879.039

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, các cá nhân có liên quan phải bồi thường cho VEAM 9.000.000.000 VND. Năm 2023, Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội chuyển cho Tổng Công ty số tiền các cá nhân có liên quan đã bồi thường là 7.300.000.000 VND. Khoản trả trước Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture được ghi giảm giá trị tương ứng với số tiền các cá nhân có liên quan đã bồi thường.
- (ii) Bao gồm khoản ứng trước cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto ("MAC") theo Hợp đồng số 16/2014/VEAM-Mekong Auto ký ngày 22 tháng 10 năm 2014 số tiền 134.589.036.240 VND và khoản ứng trước xe mẫu số tiền 436.812.990 VND. Theo hợp đồng, Tổng Công ty sẽ thanh toán trước toàn bộ giá trị linh kiện nhập khẩu cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto theo các chứng từ nhập khẩu để Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto lắp ráp và bán cho Tổng Công ty 1.500 sản phẩm xe tải nhẹ nhãn hiệu Changan Model SC1022DB4N4. Tổng Công ty đã thanh toán toàn bộ giá trị linh kiện nhập khẩu cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto và nhận được 239 xe lắp ráp hoàn chỉnh; khoản công nợ còn lại tương ứng với số linh kiện Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto đã nhập khẩu nhưng chưa bàn giao xe cho Tổng Công ty. Ngày 29 tháng 3 năm 2023, Tổng Công ty đã nộp Đơn khởi kiện Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto và các đối tượng khác có liên quan và Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2023 đến Tòa án nhân dân huyện Đông Anh - thành phố Hà Nội. Công ty cũng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

Theo đơn khởi kiện, Tổng Công ty yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm có thẩm quyền tuyên Hợp đồng 16, Đơn hàng 15 vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu với kiến nghị MAC phải hoàn trả Tổng Công ty khoản tiền tạm ứng của Đơn hàng 15 là 160.097.982.240 VND, chấp nhận việc Tổng Công ty hoàn trả cho MAC số tiền 32.963.700.000 VND tương ứng 239 xe thành phẩm Tổng Công ty đã nhận bàn giao, như vậy sau khi khấu trừ, MAC còn phải hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền 127.134.282.240 VND. Đồng thời Tổng Công ty đã đề nghị Tòa án thẩm định tại chỗ, định giá tài sản 1261 bộ linh kiện xe Changan.

Liên quan đến Hợp đồng 16 và Đơn hàng 15, Tổng Công ty cũng đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh 8 tháng 3 Hà Nội ("Sacombank"), yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm có thẩm quyền tuyên Hợp đồng cầm cố số 0118102017/HDCC (VEAM cầm cố giấy tờ có giá với tổng giá trị là 150.000.000.000 VND, bao gồm: Hợp đồng tiền gửi số 020035491791/HĐTG-SACOMBANK-VEAM; và Hợp đồng tiền gửi số 020043150007/HĐTG-SACOMBANK-VEAM để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto đối với Hợp đồng mua bán số 2017CA0220HB mà Chi nhánh này ký với đối tác Changan International Corporation để mua 1.500 bộ linh kiện để lắp ráp xe ô tô cho Đơn hàng 15 nêu trên với thỏa thuận thanh toán bằng thư tín dụng không hủy ngang) và Hợp đồng Quản lý tài khoản chuyển dụng vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, phiên xét xử đầu tiên ngày 22 tháng 7 năm 2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	6.951.177.259.930	636.948.350.963	3.718.608.180.933	639.654.282.580
<i>a1) Phải thu khác ngắn hạn</i>	<i>362.923.668.430</i>	<i>3.594.830.000</i>	<i>519.443.453.858</i>	<i>3.594.830.000</i>
Tạm ứng	1.157.942.269	-	964.576.478	-
Lãi dự thu hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	333.791.943.543	-	490.569.735.940	-
Phải thu về cổ phần hóa (i)	10.164.296.365	-	10.164.296.365	-
Thuế nhà thầu của hợp đồng VEAM-ZIBO (cabin) (ii)	957.390.582	-	957.390.582	-
Các đối tượng khác	16.852.095.671	3.594.830.000	16.787.454.493	3.594.830.000
a2) Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan	6.588.253.591.500	633.353.520.963	3.199.164.727.075	636.059.452.580
<i>Các khoản phải thu tiền hỗ trợ vốn</i>				
Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	300.000.000	300.000.000	1.071.460.000	1.071.460.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM (iii)	122.781.767.727	122.781.767.727	123.181.767.727	123.181.767.727
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ	273.547.837.417	273.547.837.417	273.547.837.417	273.547.837.417
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	22.856.917.460	22.856.917.460	23.753.917.460	23.753.917.460
Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh	8.471.938.310	8.471.938.310	8.471.938.310	8.471.938.310
Công ty Cổ phần Nakycó	1.504.324.210	1.504.324.210	1.504.324.210	1.504.324.210
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	82.600.000.000	82.600.000.000	83.150.000.000	83.150.000.000
<i>Phải thu lãi hỗ trợ vốn (*)</i>				
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	34.234.914.328	32.887.947.904	34.234.914.328	32.887.947.904
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ (Matexim)	30.929.912.783	30.929.912.783	30.929.912.783	30.929.912.783
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM (iii)	6.927.195.494	3.511.092.781	6.927.195.494	3.511.092.781
Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh	4.834.068.084	4.438.175.567	4.834.068.084	4.269.590.958
Công ty Cổ phần Nakycó	1.388.261.289	1.313.801.363	1.388.261.289	1.280.074.826
Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	2.500.921.363	2.411.213.607	2.500.921.363	2.370.996.370
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	4.079.344.048	-	4.079.344.048	-
<i>Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia</i>				
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	1.868.256.000	1.868.256.000	1.868.256.000	1.868.256.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ	22.266.600.000	22.266.600.000	22.266.600.000	22.266.600.000
Công ty Cổ phần Nakycó	200.903.500	200.903.500	200.903.500	200.903.500
Công ty Honda Việt Nam	5.931.764.124.421	-	2.539.726.799.996	-
<i>Tạm ứng nghiên cứu đề tài khoa học</i>				
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	12.179.879.104	12.179.879.104	12.479.879.104	12.479.879.104
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	8.268.468.804	8.268.468.804	8.298.468.804	8.298.468.804
<i>Phải thu khác</i>				
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam (iv)	13.733.472.732	-	13.733.472.732	-
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng và các chi nhánh	977.380.322	977.380.322	977.380.322	977.380.322
Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh	37.104.104	37.104.104	37.104.104	37.104.104
b) Phải thu khác dài hạn	28.000.000	-	28.000.000	-
Ký cược kỳ quỹ dài hạn	28.000.000	-	28.000.000	-
Cộng	6.951.205.259.930	636.948.350.963	3.718.636.180.933	639.654.282.580

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)**Ghi chú:

- (*) Trong những năm trước năm 2014, Tổng Công ty đã ký kết các hợp đồng hỗ trợ vốn với các công ty con và công ty liên doanh liên kết, lãi hỗ trợ vốn đã được ghi nhận đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (bao gồm khoản lãi hỗ trợ vốn ghi nhận bổ sung trong năm 2024 với số tiền 9.216.513.359 VND theo Kết luận thanh tra số 1538/KL-TTCTP ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Thanh tra Chính phủ). Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty mẹ đã dừng ghi nhận lãi hỗ trợ vốn từ các công ty này. Lãi hỗ trợ vốn phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 theo các điều khoản của hợp đồng vẫn được Tổng Công ty theo dõi chi tiết theo quy định, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản lãi hỗ trợ vốn cho giai đoạn này vào doanh thu tài chính do theo hướng dẫn tại điểm d, khoản 1 và điểm b, khoản 3, điều 80 Thông tư số 200/2014/TT-BTC thì khoản lãi hỗ trợ vốn phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 chưa đủ điều kiện để ghi nhận doanh thu tài chính.
- (i) Các khoản phải thu về cổ phần hóa phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.
- (ii) Khoản phải thu tiền thuế nhà thầu đã nộp 957.390.582 VND, theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tổng Công ty không phải nộp số tiền thuế này, do đó Tổng Công ty sẽ được Cục thi hành án hoàn trả sau khi thu hồi lại từ cơ quan thuế.
- (iii) Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, các cá nhân có liên quan phải bồi thường cho Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM (viết tắt là "VETRANCO") tổng số tiền 182.902.675.710 VND. Đồng thời, VETRANCO có trách nhiệm hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền 137.851.530.220 VND. Các cá nhân có liên quan đang thực hiện bồi thường và VETRANCO đang tiếp tục trả nợ Tổng Công ty.
- (iv) Khoản phải thu về vốn đã cấp tại Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy Nông nghiệp Miền Nam theo Nghị quyết số 63/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 9 năm 2018 và Quyết định số 42/QĐ-HĐQT của Hội đồng Quản trị về điều chỉnh vốn điều lệ Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam.

9. TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Hàng tồn kho	8.179.555.016	8.245.694.103
Tài sản cố định	597.281.949	597.281.949
Cộng (*)	8.776.836.965	8.842.976.052

Ghi chú:

- (*) Bao gồm giá trị hàng tồn kho và tài sản cố định thiếu phát hiện trong quá trình kiểm kê:

- Biên bản kiểm kê ngày 23 tháng 01 năm 2017 (ngày Tổng Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần); Biên bản kiểm kê tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo kiểm kê số 575/BC-KD&PTTT ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Văn phòng Công ty mẹ. Trong đó, tài sản thiếu chờ xử lý theo Báo cáo kiểm kê số 575/BC-KD&PTTT ngày 09 tháng 9 năm 2024 đã được Văn phòng Công ty mẹ xử lý. Hàng tồn kho và tài sản cố định tại Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty kiểm kê phát hiện thiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 4.480.227.657 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4.493.764.928 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

9. TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ (TIẾP THEO)

- (*) Bao gồm giá trị hàng tồn kho và tài sản cố định thiếu phát hiện trong quá trình kiểm kê (Tiếp theo):
- Biên bản kiểm kê ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả kiểm kê số 38/BC-VM ngày 07 tháng 02 năm 2020 và Báo cáo kết quả kiểm kê số 150A/BC-HĐKK ngày 02 tháng 3 năm 2021, Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Kiểm kê; Biên bản họp số 01/BB-VM ngày 10 tháng 01 năm 2022 về công tác kiểm kê năm 2021; Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 08 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng Kiểm kê; Biên bản họp số 01/BB-VM ngày 10 tháng 01 năm 2023 về công tác kiểm kê năm 2022 của Nhà máy ô tô VEAM; Báo cáo kết quả kiểm kê năm 2023 số 07A/BC-HĐKK ngày 23 tháng 01 năm 2024 và Biên bản họp về công tác kiểm kê năm 2023 số 02A/BB-VM ngày 23 tháng 01 năm 2024 của Nhà máy ô tô VEAM. Hàng tồn kho kiểm kê phát hiện thiếu tại Nhà máy ô tô VEAM - Chi nhánh của Tổng Công ty kê tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 với giá trị là 4.296.609.308 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 4.349.211.124 VND).

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Lô D, khu D1, phường Phú Thuring,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

10. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
a) Phải thu khách hàng	288.820.737.981	-		289.000.606.217	-	
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	64.099.339.995	-	trên 3 năm	64.099.339.995	-	trên 3 năm
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ (Chi nhánh tại Đà Nẵng)	13.205.936.501	-	trên 3 năm	13.205.936.501	-	trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	69.357.551.476	-	trên 3 năm	69.395.639.712	-	trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	22.446.087.086	-	trên 3 năm	22.476.087.086	-	trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	2.933.091.789	-	trên 3 năm	2.987.871.789	-	trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh (Viện Công nghệ)	725.920.500	-	trên 3 năm	775.920.500	-	trên 3 năm
Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh	5.967.364.958	-	trên 3 năm	5.967.364.958	-	trên 3 năm
Công ty Cổ phần Nakycó	2.180.499.976	-	trên 3 năm	2.185.499.976	-	trên 3 năm
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh	93.233.179.437	-	trên 3 năm	93.233.179.437	-	trên 3 năm
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto	2.172.222.000	-	trên 3 năm	2.172.222.000	-	trên 3 năm
Các đối tượng khác	12.499.544.263	-	trên 3 năm	12.501.544.263	-	trên 3 năm
b) Trả trước cho người bán ngắn hạn	177.879.728.269	135.025.849.230		177.879.728.269	135.025.849.230	
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto	169.609.728.269	135.025.849.230	trên 3 năm	169.609.728.269	135.025.849.230	trên 3 năm
Chi nhánh Công ty Cổ phần Matexim Hải phòng tại Quảng Ninh	6.500.000.000	-	trên 3 năm	6.500.000.000	-	trên 3 năm
Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture	1.700.000.000	-	trên 3 năm	1.700.000.000	-	trên 3 năm
Công ty Cổ phần Nakycó	70.000.000	-	trên 3 năm	70.000.000	-	trên 3 năm
c) Phải thu khác ngắn hạn	646.350.824.347	9.402.473.384		649.299.284.347	9.645.001.767	
Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	8.268.468.804	-	trên 3 năm	8.298.468.804	-	trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	12.179.879.104	-	trên 3 năm	12.479.879.104	-	trên 3 năm
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ	22.266.600.000	-	trên 3 năm	22.266.600.000	-	trên 3 năm
Các khoản hỗ trợ vốn và lãi hỗ trợ vốn	596.957.402.513	9.402.473.384	trên 3 năm	599.575.862.513	9.645.001.767	trên 3 năm
Các đối tượng khác	6.678.473.926	-	trên 3 năm	6.678.473.926	-	trên 3 năm
Cộng	1.113.051.290.597	144.428.322.614		1.116.179.618.833	144.670.850.997	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo***11. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	48.248.093	-	48.248.093	-
Nguyên liệu, vật liệu	86.569.570.158	(31.408.817.340)	77.525.186.455	(31.408.817.340)
Công cụ, dụng cụ	38.541.840.679	(3.991.551.404)	38.793.902.279	(3.991.551.404)
Chi phí sản xuất dở dang	30.439.243.433	-	21.112.637.029	-
Thành phẩm	827.014.493.960	(448.296.845.324)	825.602.215.038	(421.409.142.486)
Hàng hóa	159.439.223.407	(41.521.754.158)	160.166.355.710	(38.354.224.665)
Hàng gửi bán	41.614.521.439	(15.654.716.794)	52.803.668.055	(16.706.464.637)
Cộng	1.183.667.141.169	(540.873.685.020)	1.176.052.212.659	(511.870.200.532)

Ghi chú:

(i) Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập trên cơ sở giá bán ước tính tại Chứng thư và Báo cáo kết quả thẩm định giá tháng 11 năm 2023 là 85.180.975.110 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 511.424.606.394 VND), trong đó: tại Văn phòng Công ty mẹ là 5.735.324.306 VND, tại Chi nhánh Nhà máy ô tô VEAM là 79.445.650.804 VND.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập trên cơ sở giá bán ước tính tại Chứng thư và Báo cáo kết quả thẩm định giá tháng 5 năm 2025 tại Chi nhánh Nhà máy ô tô VEAM là 455.340.810.834 VND.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lập trên cơ sở đơn giá bán phế liệu của Chi nhánh Nhà máy Đức là 341.899.076 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 445.594.138 VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty có hàng tồn kho chậm luân chuyển và có dấu hiệu suy giảm giá trị nhưng chưa được trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền 109.658.723.618 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 123.718.501.013 VND), trong đó:

- Tại Văn phòng Công ty mẹ là 70.850.027.607 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 70.856.245.957 VND).
- Tại Chi nhánh Nhà máy ô tô VEAM là 38.808.696.011 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 52.862.255.056 VND).

(ii) Trong kỳ, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 975.083.176 VND do tiêu thụ được một số mặt hàng chậm luân chuyển đã được trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho của các kỳ trước, và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho bổ sung số tiền 29.978.567.664 VND theo giá bán ước tính tại Chứng thư và Báo cáo kết quả thẩm định giá số 133/2025/0194/A ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Vinacontrol phát hành cho Nhà máy ô tô VEAM - Chi nhánh của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	1.112.603.820	1.506.172.023
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	554.491.179	754.568.135
Các khoản bảo hiểm và lệ phí	330.584.625	216.562.500
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	227.528.016	535.041.388
Dài hạn	25.693.929.550	29.027.561.430
Chi phí thuê đất, văn phòng (i)	12.783.676.081	13.660.280.083
Giá trị thương hiệu (ii)	4.885.796.943	6.430.714.263
Công cụ dụng cụ, vận chuyển	4.258.565.286	3.996.394.281
Chi phí sửa chữa, cải tạo	2.081.545.510	2.915.371.524
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.684.345.730	2.024.801.279
Cộng	26.806.533.370	30.533.733.453

Ghi chú:

- (i) Tiền thuê đất bao gồm tiền thuê đất tại văn phòng số 90 - 92 Trần Bình Trọng - Thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 15 tháng 4 năm 2028; tiền thuê đất cùng tài sản có sẵn trên đất theo thời hạn 12 tháng đến ngày 01 tháng 9 năm 2025 theo Hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT/TAMAC-VEAM/2024 ký ngày 27 tháng 9 năm 2024 và tiền thuê đất trả trước theo Hợp đồng thuê lại đất số 30/HĐTĐ.05 ngày 28 tháng 3 năm 2005 giữa Công ty Phát triển Công nghiệp Tân Thuận và Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam. Khoản mục này đã được điều chuyển từ Công ty TNHH MTV Đức máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam và được Chi nhánh ghi nhận theo Biên bản bàn giao tài sản hình thành sau đầu tư ngày 20 tháng 9 năm 2012 giữa Tổng Công ty và Chi nhánh.
- (ii) Thể hiện giá trị thương hiệu của Tổng Công ty được tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp và được phân bổ trong 10 năm.

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Lô D, khu DI, phường Phú Thượng,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải,	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày đầu năm	600.482.044.894	741.375.671.251	35.671.461.221	5.616.165.571	1.850.800.000	1.384.996.142.937
- Mua trong kỳ	-	334.259.260	-	-	-	334.259.260
Tại ngày cuối kỳ	600.482.044.894	741.709.930.511	35.671.461.221	5.616.165.571	1.850.800.000	1.385.330.402.197
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày đầu năm	354.105.909.299	650.947.801.694	32.342.491.366	5.551.474.274	1.850.800.000	1.044.798.476.633
- Khấu hao trong kỳ	12.087.483.624	9.565.452.771	540.768.033	10.781.868	-	22.204.486.296
Tại ngày cuối kỳ	366.193.392.923	660.513.254.465	32.883.259.399	5.562.256.142	1.850.800.000	1.067.002.962.929
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	246.376.135.595	90.427.869.557	3.328.969.855	64.691.297	-	340.197.666.304
Tại ngày cuối kỳ	234.288.651.971	81.196.676.046	2.788.201.822	53.909.429	-	318.327.439.268

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 578.140.259.590 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 503.075.361.046 VND).

Tại ngày 30/6/2025, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hỏng tạm thời không sử dụng là 52.202.831.236 VND (giá trị còn lại: 6.779.102.488 VND), nguyên giá tài sản cố định hỏng đang sử dụng là 5.777.656.387 VND (giá trị còn lại: 69.600.797 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày đầu năm	50.914.485.243	1.571.301.023	84.500.000	52.570.286.266
Tại ngày cuối kỳ	50.914.485.243	1.571.301.023	84.500.000	52.570.286.266
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày đầu năm	2.438.012.556	1.571.301.023	84.500.000	4.093.813.579
- Khấu hao trong kỳ	90.533.928	-	-	90.533.928
Tại ngày cuối kỳ	2.528.546.484	1.571.301.023	84.500.000	4.184.347.507
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	48.476.472.687	-	-	48.476.472.687
Tại ngày cuối kỳ	48.385.938.759	-	-	48.385.938.759

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng lô đất tại số 37 Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 10.262.436.326 VND đang trong quá trình làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 với giá trị là 1.655.801.023 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.655.801.023 VND).

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Nhà tập thể nhà máy ô tô VEAM	159.363.000	159.363.000
Dự án máy kéo 4 bánh hạng trung (i)	53.507.597.654	53.507.597.654
Chi phí đầu tư phần mềm, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và các chi phí khác	2.769.645.336	1.977.487.985
Cộng	56.436.605.990	55.644.448.639

Ghi chú:

- (i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung thể hiện phí bản quyền chuyển giao công nghệ theo Hợp đồng số 02/VEAM-ISEKI/2016 ký ngày 05 tháng 7 năm 2016 với Iseki & Co., Ltd với số tiền là 56.529.995.370 VND cho Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung tại Bim Sơn. Tổng Công ty đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ theo Công văn số 24/GCN-BKHCN tại ngày 02 tháng 8 năm 2016. Theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 6/2020 của Hội đồng Quản trị đã quyết nghị giao Tổng Giám đốc Tổng Công ty chỉ đạo triển khai các công việc tiếp tục đánh giá thị trường máy kéo bốn bánh (MK4B) theo hướng hợp tác với các đơn vị tư vấn đánh giá thị trường chuyên nghiệp để có cơ sở cho các quyết định đầu tư phát triển và thực hiện chế thử hợp số MK4B theo thiết kế của Li - xăng ISEKI nhằm tận dụng năng lực sản xuất cơ khí có sẵn của các đơn vị trong Tổng Công ty cũng như các đơn vị bên ngoài để giảm thiểu tối đa tổng mức đầu tư sản xuất.

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, các cá nhân có liên quan phải bồi thường cho VEAM 48.943.720.130 VND, VEAM được hoàn lại số tiền thuế nhà thầu đã nộp là 7.586.276.240 VND. Các cá nhân có liên quan đang thực hiện bồi thường. Khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản của Dự án “Đầu tư sản xuất máy kéo bốn bánh hạng trung” đã được ghi giảm giá trị tương ứng với số tiền các cá nhân có liên quan bồi thường khoảng 3 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	11.651.342.210	11.651.342.210	12.737.884.293	12.737.884.293
Công ty TNHH Thương mại Lưu Dương	1.480.885.768	1.480.885.768	1.228.369.500	1.228.369.500
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ An Sương	1.081.644.700	1.081.644.700	-	-
Công ty sắt Cao Bằng (Công ty đúc 1)	637.516.891	637.516.891	637.516.891	637.516.891
Các đối tượng khác	8.451.294.851	8.451.294.851	10.871.997.902	10.871.997.902
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	39.880.313	39.880.313	188.760.777	188.760.777
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	20.980.332	20.980.332	17.388.836	17.388.836
Công ty Cổ phần Cơ khí chính xác số 1	18.899.981	18.899.981	171.371.941	171.371.941
Cộng	11.691.222.523	11.691.222.523	12.926.645.070	12.926.645.070

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Ô tô Huantao	1.464.331.174	1.464.331.174
Công ty Cổ phần Cơ điện Việt Nam	945.560.441	945.560.441
Công ty Cổ phần Nguyên Gia Phát	190.430.000	190.430.000
Công ty Cổ phần Kim Hoàng Hào - CN Đà Nẵng	137.611.100	137.611.100
Các đối tượng khác	1.546.985.700	1.316.350.300
Cộng	4.284.918.415	4.054.283.015

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong kỳ	Số đã thực nộp/thu trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	49.069.104	7.896.477.457	7.122.540.297	823.006.264
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.145.015.149	5.145.015.149	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.403.596.298	4.403.596.298	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.453.943.511	68.431.570.228	62.774.573.849	28.110.939.890
Thuế thu nhập cá nhân	3.445.192.836	15.354.900.690	14.948.509.771	3.851.583.755
Thuế tài nguyên	2.759.400	30.413.000	26.665.200	6.507.200
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	261.114.598	261.114.598	-
Các loại thuế khác	4.731.061.798	88.026.816	112.026.816	4.707.061.798
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	8.000.000	8.000.000	-
Cộng	30.682.026.649	101.619.114.236	94.802.041.978	37.499.098.907
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	259.147.795	144.354.888	230.369.248	345.162.155
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	4.019.314	4.019.314
Cộng	259.147.795	144.354.888	234.388.562	349.181.469

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí hoa hồng, bảo dưỡng	138.159.191	133.759.191
Chi phí vận chuyển, bảo hiểm, kho bãi (i)	9.785.496.579	9.785.496.579
Trích trước các chi phí khác	2.239.958.244	1.566.559.315
Cộng	12.163.614.014	11.485.815.085

Ghi chú:

- (i) Khoản chi phí phải trả liên quan đến Hợp đồng dịch vụ vận chuyển ô tô tải số 20181230269/TCGc-VM ngày 21 tháng 01 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TCG và Nhà máy ô tô VEAM - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP. Nhà máy đã gửi các Văn bản số 11CV-NM ngày 12 tháng 4 năm 2021; số 193/VM-KTDV-PT ngày 31 tháng 5 năm 2021; số 77A/CV-VM ngày 26 tháng 4 năm 2022 đến Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TCG về việc hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo này, Nhà máy vẫn chưa nhận được phản hồi.

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	673.214.981	75.297.032
Các khoản bảo hiểm	416.917.829	-
Nhận ký quỹ, ký cược	12.167.009.979	11.602.738.139
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.825.457.216	5.156.840.064
Tài sản thừa chờ xử lý (i)	20.261.688.227	20.271.884.625
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.614.006.878	1.746.345.808
Cộng	39.958.295.110	38.853.105.668

Ghi chú:

- (i) Tài sản thừa chờ xử lý là hàng tồn kho thừa chưa rõ nguyên nhân phát hiện trong quá trình kiểm kê của Nhà máy ô tô VEAM - Chi nhánh của Tổng Công ty theo Biên bản kiểm kê ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả kiểm kê số 38/BC-VM ngày 07 tháng 02 năm 2020 và Báo cáo kết quả kiểm kê số 150A/BC-HĐKK ngày 02 tháng 3 năm 2021, Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Kiểm kê; Biên bản họp về công tác kiểm kê năm 2021 số 01/BB-VM ngày 10 tháng 01 năm 2022; Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng Kiểm kê; Biên bản họp về công tác kiểm kê năm 2022 số 01/BB-VM ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Nhà máy ô tô VEAM, tuy nhiên không bao gồm giá trị tài sản thừa là vật tư, hàng hóa kiểm kê thừa không xác định được đơn giá, theo đó không được ghi nhận trong giá trị tài sản thừa chờ xử lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	13.288.000.000.000	6.760.936.162.449	20.048.936.162.449
Lãi trong năm	-	6.253.402.216.678	6.253.402.216.678
Trích lập các quỹ	-	(70.077.756.326)	(70.077.756.326)
Chia cổ tức	-	(6.690.747.184.000)	(6.690.747.184.000)
Tại ngày 31/12/2024	13.288.000.000.000	6.253.513.438.801	19.541.513.438.801
Lãi trong kỳ	-	6.163.332.034.893	6.163.332.034.893
Tại ngày 30/06/2025	13.288.000.000.000	12.416.845.473.694	25.704.845.473.694

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.328.800.000	1.328.800.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.328.800.000</i>	<i>1.328.800.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.328.800.000	1.328.800.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.328.800.000</i>	<i>1.328.800.000</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi lần thứ mười một ngày 01 tháng 7 năm 2024), vốn điều lệ của Tổng Công ty là 13.288.000.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 13.288.000.000.000 VND). Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Bộ Công thương	11.755.829.660.000	88,47%	11.755.829.660.000	88,47%
Các đối tượng khác	1.532.170.340.000	11,53%	1.532.170.340.000	11,53%
Cộng	13.288.000.000.000	100%	13.288.000.000.000	100%

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	438.494,10	231.678,83

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh máy động lực và máy nông nghiệp. Trong kỳ, Tổng Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh máy động lực và máy nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 24 và số 25.

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	989.964.227	7.751.487.583
Doanh thu bán thành phẩm	178.718.840.641	161.979.275.102
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.210.610.631	1.352.664.080
Doanh thu khác	63.780.800	-
Cộng	188.983.196.299	171.083.426.765
<i>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</i>	<i>23.562.094.788</i>	<i>36.527.581.538</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	38.400.000	-
- Hàng bán bị trả lại.	38.400.000	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	188.944.796.299	171.083.426.765

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	820.820.818	7.746.261.849
Giá vốn bán thành phẩm	155.198.253.154	142.129.998.842
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.469.215.232	507.586.492
Giá vốn khác	222.200.273	-
Các khoản chi phí vượt định mức	11.376.242.246	15.936.996.353
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	29.107.179.550	(10.078.995.712)
Cộng	201.193.911.273	156.241.847.824

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	385.424.686.548	405.995.278.779
Lãi hỗ trợ vốn (i)	-	87.300.183
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.933.405.730.421	5.139.662.186.293
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	756.953.872	949.814.456
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.316.419	3.804.774
Cộng	6.319.598.687.260	5.546.698.384.485
<i>Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính với bên liên quan</i>	<i>5.933.405.730.421</i>	<i>5.139.749.486.476</i>

Ghi chú:

- (i) Trong kỳ này, Tổng Công ty chưa ghi nhận lãi hoạt động hỗ trợ vốn của các khoản hỗ trợ vốn cho các công ty con và công ty liên kết. Lãi hoạt động hỗ trợ vốn phát sinh từ các khoản hỗ trợ vốn trên được Tổng Công ty xác định và ghi nhận phụ thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh của từng công ty con và công ty liên kết với lãi suất từ 0% - 5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự phòng/ (Hoàn nhập) tổn thất các khoản đầu tư tài chính	(4.775.903.988)	(1.067.462.717)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	131.081.035	9.527.295
Cộng	(4.644.822.953)	(1.057.935.422)

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	3.373.339.318	3.036.432.153
Chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ đồ dùng	208.325.420	709.033.995
Chi phí khấu hao TSCĐ	213.590.265	258.152.052
Trích lập/Hoàn nhập chi phí bảo hành	57.362.652	84.494.207
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.312.806.793	1.660.607.040
Chi phí bằng tiền khác	3.783.429.530	4.256.705.349
Cộng	9.948.853.978	10.005.424.796
Các khoản chi phí quản lý phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	46.682.307.457	38.978.485.953
Chi phí vật liệu quản lý	643.651.243	493.969.098
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	5.589.833.360	5.660.621.240
Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng	(2.885.799.853)	(5.294.907.826)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.976.649.591	5.945.112.333
Chi phí bằng tiền khác	15.971.903.409	10.914.447.427
Cộng	69.978.545.207	56.697.728.225

29. THU NHẬP KHÁC

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu tiền đền bù, bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm hợp đồng	229.670.657	2.246.737.747
Thu nhập khác	384.797.691	66.651.391
Cộng	614.468.348	2.313.389.138

30. CHI PHÍ KHÁC

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	867.812.808	799.121.898
Các khoản bị phạt thuế, vi phạm hành chính	19.079.072	364.322.996
Các khoản chi phí khác	30.967.401	70.179.629
Cộng	917.859.281	1.233.624.523

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117.833.156.436	74.671.429.602
Chi phí nhân công	73.218.899.824	63.231.955.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.295.020.224	24.186.579.917
Chi phí dự phòng	26.218.919.722	(15.373.903.538)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.102.537.043	20.090.180.713
Chi phí khác bằng tiền	22.124.433.099	23.541.349.698
Cộng	280.792.966.348	190.347.592.293

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Thuế TNDN Văn phòng và Chi nhánh hạch toán phụ thuộc	65.607.176.260	72.091.634.451
Thuế TNDN Nhà máy Ô tô VEAM	-	-
Thuế TNDN Nhà máy Đúc VEAM	2.824.393.968	2.170.637.330
Chi phí thuế TNDN hiện hành	68.431.570.228	74.262.271.781

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (i)	1.611.550.805	746.296.260

Ghi chú:

- (i) Khoản thanh toán và phân bổ thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng và thuê kho tại các địa điểm sau:
- Khoản thuê Văn phòng tại số 90 - 92 Trần Bình Trọng, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT/2008 ký ngày 04 tháng 8 năm 2008 và Phụ lục ngày 08 tháng 12 năm 2010 với Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam, thời hạn thuê 20 năm từ ngày 15 tháng 4 năm 2008. Tiền thuê đã trả một lần là 30.645.000.000 VND.
 - Khoản thuê đất và tài sản trên đất tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh theo Hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT/TAMAC-VEAM/2024 ký ngày 27 tháng 9 năm 2024. Bên cho thuê: Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp, thời hạn thuê 12 tháng đến ngày 01 tháng 9 năm 2025, đơn giá thuê 1.794.000.000 VND/năm.
 - Khoản thuê kho tại Tổ 22, thị trấn Đông Anh, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng số 1512/HĐ-VEAM-CPLOA ký ngày 15 tháng 12 năm 2023 và Phụ lục số 001/2024/VEAM-COLOA ngày 31 tháng 12 năm 2024. Bên cho thuê: Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa, thời hạn thuê 24,5 tháng đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, đơn giá thuê 78.540.000 VND/năm.
 - Khoản thuê kho tại Khu phố 1, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng số 001/HĐ-VEAM/SVEAM/2025 ký ngày 31 tháng 12 năm 2024. Bên cho thuê: Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam, thời hạn thuê 12 tháng đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, đơn giá thuê 99.600.000 VND/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng 01 năm	354.343.182	1.258.272.727
Cộng	354.343.182	1.258.272.727

34. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

	Từ ngày 01/01/20205 đến ngày 30/6/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024
	VND	VND
Mua hàng	3.117.757.100	1.092.636.229
Công ty Cổ phần Cơ khí Cỏ Loa	177.700.000	35.700.000
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	854.356.672	106.088.919
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	49.800.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ	831.536.832	630.393.382
Công ty Cổ phần Cơ khí chính xác số 1	1.170.664.196	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	33.699.400	20.453.928
Bán hàng	23.562.094.788	36.527.581.538
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	23.213.166.610	29.714.653.969
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	348.928.178	174.935.564
Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên	-	5.344.779.505
Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	-	1.205.497.500
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	-	87.715.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.933.405.730.421	5.139.662.186.293
Công ty Honda Việt Nam	5.931.764.124.421	5.079.453.599.993
Công ty Cổ phần Cơ khí chính xác số 1	1.370.880.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên	-	37.740.000.000
Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	-	14.407.500.300
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	-	7.790.360.000
Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ	270.726.000	270.726.000
Lãi hỗ trợ vốn	-	87.300.183
Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh	-	63.365.456
Công ty Cổ phần Cơ khí Cỏ Loa	-	12.683.206
Công ty Cổ phần Nakycó	-	11.251.521

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

34. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024
	VND	VND
Tiền chi thanh toán mua hàng	142.000.000	1.794.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	142.000.000	-
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	-	1.794.000.000
Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.097.044.675	33.956.242.703
Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	21.732.044.675	23.021.595.562
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	360.000.000	1.310.983.635
Công ty Cổ phần Nakycos	5.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	-	96.486.500
Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên	-	7.752.852.256
Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	-	1.774.324.750
Tiền thu Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.541.368.405.996	2.922.490.726.000
Công ty Honda Việt Nam	2.539.726.799.996	2.922.220.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí chính xác số 1	1.370.880.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ	270.726.000	270.726.000
Tiền thu gốc hỗ trợ vốn	1.982.190.000	1.864.486.145
Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	732.190.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải & Thương mại VEAM	400.000.000	1.464.486.145
Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy Nông nghiệp	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	550.000.000	300.000.000

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia: Không bao gồm các khoản chênh lệch chưa thanh toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán liên quan đến lãi dự thu, lãi hỗ trợ vốn, cổ tức và lợi nhuận được chia. Vì vậy, số tiền trình bày tại chỉ tiêu “Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia” phản ánh số tiền thực tế thu được trong kỳ.

Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác: Không bao gồm 636.270.000 VND là số tiền thu hồi gốc hỗ trợ vốn được bù trừ với công nợ phải trả. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

36. THÔNG TIN KHÁC

Quyết toán cổ phần hóa

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của các cơ quan có thẩm quyền tại ngày Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần. Đồng thời các lô đất thuê trong toàn Tổng Công ty đang được rà soát để ký lại các hợp đồng thuê đất khi Tổng Công ty chuyển từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần với các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo

36. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**Cổ tức và phân phối lợi nhuận**

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, Hội đồng Quản trị đã có Tờ trình số 368/TTr-HĐQT trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 về việc phân phối lợi nhuận năm 2024: Chia cổ tức số tiền 6.189.656.704.000 VND; trích quỹ thưởng người quản lý và quỹ khen thưởng người lao động, phúc lợi với số tiền lần lượt là 1.331.042.339 VND và 62.518.231.493 VND; hiện tại, Bộ Công thương chưa có ý kiến về việc chấp thuận phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 nên Hội đồng Quản trị đã đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phân phối lợi nhuận theo ý kiến của Bộ Công thương. Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận theo Tờ trình số 368/TTr-HĐQT tại Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025.

Các thông tin khác

Tổng Công ty đang thực hiện các kết luận tại Kết luận thanh tra số 1538/KL-TTCTP ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Thanh tra Chính phủ về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công thương và Kết luận số 3202/KL-BCT ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Bộ Công thương về thanh tra công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản; tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; công tác tổ chức cán bộ tại Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP. Trong thời gian tới, Tổng Công ty sẽ tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện theo các kết luận và định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện cũng như các vướng mắc trong quá trình triển khai đến các cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2022/HS-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7, 8, 15), trong thời gian tới, Tổng Công ty sẽ tiếp tục phối hợp với Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội để đẩy mạnh việc thu hồi toàn bộ số tiền theo các Bản án nêu trên.

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 855/2023/HS-PT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 234/2023/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội, các cá nhân có liên quan trong việc mua bán xe ô tô giảm giá trái quy định định; mua sắm, lớp, yếm trái quy định phải bồi thường cho Nhà máy ô tô VEAM số tiền lần lượt là 55.673.446.360 VND và 16.828.878.687 VND, buộc các cá nhân có liên quan phải trả lại cho Nhà máy ô tô VEAM số tiền lần lượt là 2.417.298.653 VND và 1.468.609.133 VND. Đồng thời, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền; hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Ngày 23 tháng 01 năm 2024, Giám đốc Nhà máy ô tô VEAM đã gửi Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội Đơn yêu cầu thi hành án với các nội dung tại các Bản án nêu trên. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty chưa ghi nhận các khoản phải thu theo kết quả bản án và tiền lãi chậm trả tương ứng theo nguyên tắc thận trọng do các khoản công nợ phải thu này chưa xác định được thời gian thu hồi.

Nhà máy ô tô VEAM đang sử dụng thửa đất được thuê tại phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Hợp đồng số 212/HĐ/TĐ ngày 18 tháng 12 năm 2006 giữa Tổng Công ty và UBND tỉnh Thanh Hóa để sử dụng với mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh từ năm 2004 đến năm 2054. Diện tích tổng khu đất thuê là 288.804,9 m². Theo các hợp đồng này, Nhà máy ô tô VEAM phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Nguyễn Hoàng Giang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Vũ Phong Hải
Phụ trách kế toán

Bùi Tuấn Anh
Người lập biểu